

Bản án số: **42/2019/HS-ST**

Ngày: 04-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Ông Trần Đức Trường

Ông Nguyễn Trần Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Mạnh Tường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và 04 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phùng Thị H, sinh năm 1964 tại xã M, huyện B, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C và bà Khuất Thị N; có chồng là Đặng Văn T và 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-7-2018; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Minh L, Công ty luật TNHH D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Luật sư Nguyễn Đức N Công ty luật TNHH D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Phương M, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà 22, tổ 7, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 158, tổ 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1954; nơi cư trú: Phòng 512, CT 4, khu đô thị M, phường M, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt.

4. Bà Dương Thúy L1, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số nhà 27 đường T, tổ 13, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

5. Ông Trần Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

6. Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 24 đường T, tổ 17, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 52, tổ 8 (tổ 13 cũ), phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 792, tổ 15, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt.

9. Bà Vương Thị B, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 129 đường A, tổ 3 (5A cũ), phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

10. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà 171 đường L, tổ 10 (tổ 20 cũ), phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đặng Văn T (chồng bị cáo Phùng Thị H); sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ 14, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở hiện nay: Phòng 1212 - B, tầng 12 khu Chung cư D, tổ 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Ông Nguyễn Thành L3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 7, ngõ 7 đường Đ, tổ 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 4, tổ 20, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; vắng mặt và có đơn đề nghị xử vắng mặt.

4. Ông Trần Văn N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (bị hại trong vụ án); có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Kim D, Trần Văn N:* Bà Nguyễn Thị L, Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim S: Bà Nguyễn Thị H, Luật sư Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình; có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2007, Phùng Thị H có đầu tư kinh doanh vào một số lĩnh vực như câu lạc bộ thể hình, thẩm mỹ, quán bia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Số vốn đầu tư làm ăn, kinh doanh của H dựa trên số tiền cá nhân và đi vay lãi ngoài của các công dân. Do quá trình làm ăn kinh doanh không hiệu quả nên để có tiền tiếp tục kinh doanh cũng như để trả lãi cho các khoản vay, từ năm 2014 đến tháng 2 năm 2018, Phùng Thị H đã đưa ra những thông tin như mở rộng kinh doanh, đầu tư vào công trình bể bơi (việc đầu tư công trình bể bơi là không có thật) để tiếp tục vay tiền của 10 công dân trên địa bàn thành phố H, cụ thể như sau:

- Vay của bà Trần Thị Phương M tổng số tiền 400.000.000đ, gồm: Ngày 29-02-2014, vay 120.000.000đ; Ngày 29-3-2016, vay số tiền 80.000.000đ; Ngày 15-4-2016, vay số tiền 200.000.000đ. Lãi suất 2-3%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 4 năm 2018, số tiền 227.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 800.000.000đ, gồm: Ngày 30-3-2014 vay số tiền 250.000.000đ; Ngày 14-7-2014 vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 24-11-2014 vay số tiền 100.000.000đ; Ngày 15-9-2015 vay 200.000.000đ; Ngày 24-12-2017 vay số tiền 100.000.000đ. Lãi suất 2%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 6 năm 2017 số tiền 392.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của bà Nguyễn Thị Kim S tổng số tiền 400.000.000đ, gồm: Ngày 01-5-2016 vay số tiền 250.000.000đ; Ngày 01-6-2016 vay số tiền 150.000.000đ. Lãi suất 1,5%/tháng đến 2,3%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 5 năm 2018 số tiền 192.950.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của bà Dương Thúy L1 tổng số tiền 400.000.000đ, gồm: Tháng 12-2016 vay số tiền 200.000.000đ; Ngày 17-01-2017 vay số tiền 200.000.000đ. Lãi suất 6%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 5 năm 2018 số tiền 372.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của ông Trần Văn N tổng số tiền 550.000.000đ, gồm: Ngày 15-6-2017 vay số tiền 200.000.000đ; Ngày 25-9-2017 vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 04-10-2017 vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 07-12-2017 vay số tiền 50.000.000đ. Lãi suất 5%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 3 năm 2018 số tiền 180.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của bà Nguyễn Hồng V tổng số tiền 600.000.000đ, gồm: Ngày 15-5-2017 vay số tiền 200.000.000đ; Ngày 27-7-2017 vay số tiền 180.000.000đ; Ngày 10-8-2017 vay số tiền 70.000.000đ; Ngày 19-9-2017 vay số tiền 150.000.000đ. Lãi suất 4,5%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 4 năm 2018 số tiền 244.350.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Vay của bà Nguyễn Thị L2 tổng số tiền 700.000.000đ, gồm: Ngày 15-4-2017 vay số tiền 450.000.000đ; Ngày 07-7-2017 vay số tiền 100.000.000đ; Ngày 03-01-2018 vay số tiền 50.000.000đ; Ngày 10-02-2018 vay số tiền 100.000.000đ. Lãi suất 3% đến 6%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 4 năm 2018 số tiền 210.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

- Ngày 29-9-2017 vay của bà Nguyễn Thị Kim D tổng số tiền 430.000.000đ. Lãi suất 3%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 12 năm 2017 số tiền 40.000.000đ và ngày 27-4-2018 trả gốc 230.000.000đ, còn nợ tiền gốc 200.000.000đ.

- Ngày 09-12-2017 vay của bà Vương Thị B số tiền 1.556.000.000đ. Lãi suất 1,5%/tháng. Chưa trả tiền lãi và tiền gốc.

- Vay của bà Nguyễn Thị Minh H tổng số tiền 850.000.000đ: Ngày 10-01-2018 vay số tiền 700.000.000đ; Ngày 10-02-2018 vay số tiền 150.000.000đ. Lãi suất 1,5%/tháng. Đã trả lãi đến tháng 4 năm 2018 số tiền 40.000.000đ. Chưa trả tiền gốc.

Tổng cộng Phùng Thị H vay của 10 công dân, tổng số tiền 6.486.000.000đ; sau đó H dùng số tiền trên để đầu tư kinh doanh vào sản tập thể hình, thẩm mỹ, quán bia, mua mặt bằng và trả lãi các khoản vay. Sau khi thu được tiền bán hàng mà nguồn hàng mua được bằng tiền vay của các công dân thì Phùng Thị H đã dùng để trả lãi hết cho các khoản vay của người khác, không trả cho chính những công dân đã cho vay tiền để đầu tư kinh doanh.

Ngày 24-4-2018, Phùng Thị H đã làm hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng cạnh quán bia H Club cho anh Trần Văn N với số tiền là 640.000.000đ và Phùng Thị H đã sử dụng cá nhân hết số tiền này.

Ngày 27-4-2018, Phùng Thị H đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất 120 tờ bản đồ số 14 tại tổ 14 phường Đ, thành phố H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 005763 để vay số tiền 870.000.000đ tại ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Hòa Bình và thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 119 tờ bản đồ số 14 phường Đ, thành phố H có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 005763 để vay số tiền 1.100.000.000đ tại ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Hòa Bình;

tổng số tiền 1.970.000.000đ. Sau đó H đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim D 230.000.000đ, còn lại H dùng để trả nợ Ngân hàng và một số công dân khác.

Từ năm 2008, Phùng Thị H có quan hệ làm ăn đầu tư sản tập thể hình tại tầng 3, chợ P, thành phố H với ông Nguyễn Thành L3 sinh năm 1983, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Ngày 5-6-2018 Phùng Thị H đã làm hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành L3 trong việc thực hiện nghĩa vụ tại hợp đồng số 28/2015 ngày 01-4-2015 và hợp đồng số 04/2015 ngày 01-4-2015 mà Phùng Thị H đã ký kết với văn phòng đại diện công ty B.O.T - Vinaconex3 Hòa Bình mục đích chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Thành L3 sản tập thể hình tại tầng 3, chợ P gồm toàn bộ máy móc, phương tiện, thiết bị với giá trị chuyển nhượng là 640.000.000đ. Thực tế số tiền trên là gán nợ cho ông Nguyễn Thành L3.

Ngày 05-6-2018, Phùng Thị H đã chuyển nhượng quán bia H Club gồm toàn bộ trang thiết bị, dụng cụ cho bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984, trú tại số nhà 4, tổ 20, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình với số tiền chuyển nhượng là 1.500.000.000đ. Số tiền trên Phùng Thị H đã trả nợ cho bà Đặng Thị Q, sinh năm 1966, trú tại T, tỉnh P số tiền 421.000.000đ; trả nợ cho ông Nguyễn Thành L3 số tiền 500.000.000đ; trả cho ông Lê Văn L số tiền 100.000.000đ; trả cho bà Phùng Thu Đ 100.000.000đ và dùng trả lãi cho bà Nguyễn Thị L số tiền 85.000.000đ; chuyển khoản trả cho bà Trương Thị H số tiền 20.000.000đ; số tiền còn lại dùng để trả nợ cho một số công dân khác.

Như vậy, sau khi chuyển nhượng, bán toàn bộ tài sản và các cơ sở kinh doanh được hình thành từ tiền vay của các công dân, Phùng Thị H đã dùng số tiền trên để trả lãi và trả các khoản vay của người khác, không thông báo và không trả cho chính những công dân đã cho H vay tiền để đầu tư kinh doanh. Ngày 12-6-2018, Phùng Thị H bỏ trốn khỏi địa phương, trước khi bỏ trốn, H viết thư cho các công dân với nội dung H đi nước ngoài làm ăn, sau đó tắt máy điện thoại để người dân không liên lạc được, rồi cùng chồng là Đặng Văn T bỏ đi đến các khu vực tỉnh Quảng Ninh, Hà Nội. Các công dân cho Phùng Thị H vay tiền để đầu tư kinh doanh, đến tháng 6-2018, do không thấy H trả tiền, các công dân tìm gặp, điện thoại nhưng không liên lạc được với H, do đó 10 công dân đã có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Phùng Thị H đến cơ quan điều tra.

Ngày 10-7-2018, Phùng Thị H đến cơ quan điều tra làm việc và có đơn xin đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định ngoài số tiền 6.456.000.000đ mà các công dân có đơn tố cáo đối với Phùng Thị H thì H còn vay tiền của một số công dân khác, hiện chưa trả được. Do các công dân này không đề nghị giải quyết theo pháp

luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hòa Bình không đề cập trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSHB ngày 08-4-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố Phùng Thị H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Ngày 29-9-2019, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Ngày 31-10-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình có văn bản số 577/VKS-P2, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phùng Thị H theo nội dung bản cáo trạng số 14/CT-VKSHB ngày 08-4-2019 của VKSND tỉnh Hòa Bình.

Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận có vay của 10 công dân với tổng số tiền 6.456.000.000đ đúng như cáo trạng nêu. Khi vay tiền bị cáo nói để đầu tư kinh doanh không nói vay đầu tư dự án bể bơi của tỉnh Hòa Bình; bị cáo làm ăn kinh doanh một mình, không có năng lực quản lý kinh doanh, không có người giúp việc, không mở sổ sách ghi chép theo dõi hạch toán thu, chi.

Về chuyển nhượng tài sản bị cáo H khai: Việc chuyển nhượng mặt bằng cạnh quán bia H với số tiền 640.000.000đ, chuyển nhượng quán bia H với số tiền 1.500.000.000đ và chuyển nhượng sàn tập thể hình, thẩm mỹ tại tầng 3 chợ P với số tiền 640.000.000đ là đúng. Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng tài sản bị cáo trả nợ cho những người vay khác (không bao gồm 10 người bị hại trong vụ án). Ngày 12-6-2018 do áp lực của các chủ nợ đòi trả nợ gốc, lãi và bị cáo không còn khả năng thanh toán nên phải tạm lánh khỏi địa phương, đi đến địa bàn Hà Nội, Quảng Ninh, ngày 8-7-2019 bị cáo về Hòa Bình, ngày 10-7-2018 bị cáo đến công an tỉnh Hòa Bình đầu thú. Trong thời gian đi khỏi địa phương từ ngày 12-6-2018 đến ngày 9-7-2018, bị cáo không đăng ký tạm vắng, tạm trú. Hiện tại, bị cáo không còn khả năng thanh toán cho các chủ nợ. Bị cáo xin lỗi những người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

Trình bày lời luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá chứng cứ, phân tích tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi do bị cáo thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Thị Hằng phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Thị H từ 14 đến 15 năm tù; buộc bị cáo H phải bồi thường cho 10 người bị hại; buộc ông Đặng Văn T và bị cáo H phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim D số tiền 200.000.000đ, Nguyễn Thị L2 450.000.000đ và Vương Thị B 1.556.000.000đ.

Ông Nguyễn Thành L3 không phải chịu trách nhiệm cùng bị cáo H bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000đ.

Luật sư Nguyễn Minh L bào chữa cho bị cáo Phùng Thị H trình bày: Bị cáo Phùng Thị H không phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, vì: Bị cáo không có hành vi gian dối, mục đích vay tiền chỉ là để kinh doanh; bị cáo H đi vắng trong khoảng thời gian từ ngày 12-6-2018 đến ngày 10-7-2018 cũng chỉ là bắt đắc dĩ do phải chịu quá nhiều áp lực trả nợ, bị cáo không có hành vi bỏ trốn. Do làm ăn thua lỗ cộng với việc phải trả lãi vay với lãi suất quá cao dẫn tới không còn khả năng trả nợ, đây là lỗi khách quan không phải ý chí chủ quan của bị cáo H, bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của các công dân. Giả sử bị cáo Hằng đã sử dụng tài sản vay vào mục đích bất hợp pháp như đánh bạc, buôn lậu dẫn tới mất khả năng thanh toán thì hành vi này mới thỏa mãn dấu hiệu chiếm đoạt.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa cho rằng hành vi của bị cáo H phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Văn N và Nguyễn Thị Kim D, Luật sư Nguyễn Thị L trình bày: Bị cáo Hằng thực hiện hai hành vi, 07/10 người bị hại đều khai bị cáo H có hành vi gian dối, có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; yêu cầu bị cáo phải thanh toán tiền gốc cho bị hại Trần Văn N; bị cáo và chồng (ông T) phải liên đới thanh toán tiền gốc và lãi cho bị hại Kim D theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xét xử bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị hại Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Thành L3 phải có trách nhiệm cùng bị cáo H bồi thường cho bà số tiền 700.000.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim S, Luật sư Nguyễn Thị H trình bày: Ông L3 cùng bị cáo H phải bồi thường cho bị hại T số tiền 700.000.000đ; bị cáo không thành khẩn khai nhận, việc đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng.

Bị hại Nguyễn Thị Minh H yêu cầu ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm cùng bị cáo H bồi thường cho bà số tiền cho bà 850.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T (chồng bị cáo H) khai: Ông có ký vào giấy vay tiền cùng vợ ông, vay của bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 430.000.000đ, vay của bà Nguyễn Thị L2 số tiền 450.000.000đ, vay của bà Vương Thị B số tiền 1.556.000.000đ; vợ ông là người vay tiền, nhận tiền trực tiếp từ bà D, bà L2, bà B; sau khi vợ ông nhận tiền, ba người này yêu cầu vợ ông (bị cáo H) phải đưa giấy vay tiền cho ông ký nên ông đã ký; người sử

dụng tiền là bị cáo H; ông nhận trách nhiệm liên đới cùng bị cáo H bồi thường số tiền mà ông đã ký vào giấy vay của bà D, bà L2, bà B.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo; bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phùng Thị H đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02-2014 đến tháng 4-2018, Phùng Thị H đã vay tiền của 10 công dân với tổng số tiền 6.486.000.000đ. Cụ thể: Từ tháng 02-2014 đến tháng 04-2016, vay tiền của bà Trần Thị Phương M 03 lần, số tiền 400.000.000đ. Từ tháng 03-2014 đến tháng 12-2017, vay tiền của bà Nguyễn Thị T 05 lần, số tiền 800.000.000đ. Tháng 5, 6-2016, vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim S 02 lần, số tiền 400.000.000đ. Từ tháng 12-2016 đến tháng 01-2017, vay tiền của bà Dương Thúy L1 02 lần, số tiền 400.000.000đ. Từ tháng 06-2017 đến tháng 12-2017, vay tiền của ông Trần Văn N 04 lần, số tiền 550.000.000đ. Từ tháng 5-2017 đến tháng 9-2017, vay tiền của bà Nguyễn Hồng V 04 lần, số tiền 600.000.000đ. Từ tháng 4-2017 đến tháng 7-2017, vay tiền của bà Nguyễn Thị L2 03 lần, 01 lần Phùng Thị H cùng chồng là Đặng Văn T vay số tiền 450.000.000đ, 02 lần một mình bị cáo H vay số tiền 250.000.000đ. Tháng 09-2017, Phùng Thị H cùng chồng là Đặng Văn T vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim D 01 lần số tiền 430.000.000đ, ngày 27-4-2018 trả 230.000.000đ tiền gốc. Tháng 12-2017, Phùng Thị H cùng chồng là Đặng Văn T vay tiền của bà Vương Thị B 01 lần, số tiền 1.556.000.000đ. Tháng 1 và 2-2018 vay của bà Nguyễn Minh H 02 lần, số tiền 850.000.000đ.

Xét lời khai nhận của bị cáo Phùng Thị H phù hợp với đơn xin đầu thú của bị cáo ngày 10-7-2018, biên bản ghi lời khai của người ra đầu thú, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người bị hại về số lần vay và số tiền vay. Đủ căn cứ kết luận: Phùng Thị H có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Từ đầu năm 2007, bị cáo Phùng Thị H có đầu tư kinh doanh vào một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Số vốn đầu tư làm ăn, kinh doanh của H dựa trên số tiền cá nhân và chủ yếu tiền đi vay lãi ngoài của các công dân. Tuy thấy quá trình làm ăn kinh doanh không hiệu quả, nhưng để có tiền tiếp tục kinh doanh cũng như trả lãi cho các khoản vay và không để xảy ra tình trạng vỡ nợ, giữ uy tín cho gia đình nên từ năm 2014 đến tháng 4-2018 bị cáo H đã tiếp tục vay của 10 công dân trên địa bàn thành phố H với số tiền 6.486.000.000đ để tiếp tục kinh doanh, trả lãi vay cho người khác và cho chính họ. Năm 2015, bị cáo biết rõ việc đầu tư không hiệu quả nhưng vẫn tiếp tục vay mượn, đồng thời, khi thu được tiền từ việc đầu tư kinh doanh và bán tài sản được hình thành từ tiền vay của 10 công dân, Phùng Thị H đã có hành vi gian dối không trả cho các công dân trên mà sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ cho các công dân khác. Sau khi những người bị hại liên tục đòi bị cáo H trả nợ gốc và lãi, Phùng Thị H đã tắt điện thoại di động, bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền 6.456.000.000đ của 10 người bị hại. Tại thời điểm đó, Phùng Thị H mất khả năng thanh toán nợ cho chủ sở hữu. Hành vi do bị cáo Phùng Thị H thực hiện cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng số 14/CT-VKSHB, ngày 08-4-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố Phùng Thị H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng hành vi của bị cáo H không cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là không có cơ sở. Việc những người bị hại có mặt tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim S, Trần Văn N và Nguyễn Thị Kim D cho rằng hành vi của bị cáo H phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng.

Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi do bị cáo thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của 10 công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó, cần phải xử nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 09-12-2017 bị cáo vay của bà Vương Thị B số tiền 1.556.000.000đ, ngày 10-01-2018 vay của bà Nguyễn

Thị Minh H số tiền 700.000.000đ thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên (mỗi lần trên 500.000.000đ), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội; có bố chồng (ông Đặng Xuân B) được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Do đó ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Việc Luật sư Nguyễn Thị H bảo vệ cho bị hại Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Kim S cho rằng bị cáo H không thành khẩn khai báo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng.

Với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi do bị cáo thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì cần phải có mức án thật nghiêm nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Phùng Thị H mất khả năng thanh toán nợ cho chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 6.456.000.000đ, việc bị hại yêu cầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền một mình bị cáo H ký nhận thì bị cáo H phải bồi thường. Ông Đặng Văn T ký nhận vào giấy vay tiền của 03 người (bà Nguyễn Thị Kim D 430.000.000đ, đã trả gốc 230.000.000đ, còn 200.000.000đ; bà Nguyễn Thị L2 450.000.000đ; bà Vương Thị B 1.556.000.000đ), ký sau khi bị cáo H đã nhận tiền. Việc thỏa thuận vay tiền, sử dụng toàn bộ tiền vay của các công dân do bị cáo H quyết định. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình không đề cập đến trách nhiệm hình sự đối với ông T trong vụ án này là đúng. Tuy nhiên, ông T phải có nghĩa vụ cùng bị cáo H bồi thường cho bà D, bà L2 và bà B theo giấy vay tiền mà ông T đã ký.

Đối với ông Nguyễn Thành L3, bị cáo H đều khai thống nhất việc bị cáo trực tiếp thỏa thuận, ký giấy vay tiền, nhận tiền từ bà T, ông L3 không liên quan; có lần bị cáo H nhờ ông L3 chuyển giúp tiền cho bà T, đây là số tiền lãi mà bị cáo phải trả cho bà T theo thỏa thuận trước đó. Đủ căn cứ khẳng định ông L3 là người ký và viết chữ “Người cùng vay” trong giấy chót nợ giữa bị cáo H và bà T. Tuy nhiên, cả bị cáo H và ông L3 đều khai thống nhất, việc ông L3 ký và viết chữ “Người cùng vay” sau khi bị cáo H đã nhận tiền, sử dụng số tiền

700.000.000đ của bà T từ trước đó, ông L3 không biết, không ký giấy vay tiền và nhận tiền từ bà T cũng như không được sử dụng số tiền đó, do vậy, ông L3 không phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo H bồi thường cho bà T số tiền 700.000.000đ. Quan điểm của Luật sư bảo vệ cho bà T cho rằng ông L3 phải có trách nhiệm cùng bị cáo H bồi thường cho bà T số tiền 700.000.000đ là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Đối với bị hại Nguyễn Thị Minh H yêu cầu ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo H bồi thường số tiền bị cáo Hằng đã vay của bà. Hội đồng xét xử nhận thấy, một mình bị cáo Hằng ký giấy vay tiền của bà H, trực tiếp nhận tiền từ bà H, do đó ý kiến của bà H yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị cáo H bồi thường cho bà Huệ là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị số tiền lãi bị cáo đã trả cho những người bị hại được trừ vào số tiền gốc phải bồi thường. Xét thấy, việc bị cáo và người bị hại thỏa thuận về việc trả lãi và bị cáo đã thực hiện theo thỏa thuận này, do đó yêu cầu của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo về nội dung này không được chấp nhận. Việc người bị hại yêu cầu bị cáo H phải tiếp tục trả lãi, yêu cầu này được chấp nhận và tính lãi kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Phùng Thị H phải bồi thường cho 08 bị hại số tiền **4.250.000.000đ**, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Trần Thị Phương M số tiền 400.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 800.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 400.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Dương Thúy L1 số tiền 400.000.000đ;
- Bồi thường cho ông Trần Văn N số tiền 550.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 600.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 250.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 850.000.000đ.

Bị cáo H và ông Đặng Văn T phải liên đới bồi thường cho 03 người bị hại số tiền **2.206.000.000đ**, cụ thể:

- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 200.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Vương Thị B số tiền 1.556.000.000đ;
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 450.000.000đ.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội, bị cáo Phùng Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường 4.250.000.000đ. Bị cáo

H và ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường 2.206.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Thị H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử phạt Phùng Thị H **13** (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 11-7-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phùng Thị H phải bồi thường cho 08 bị hại số tiền 4.250.000.000đ (bốn tỉ hai trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể:

Bồi thường cho bà Trần Thị Phương M số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim S số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Bồi thường cho bà Dương Thúy L1 số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Bồi thường cho ông Trần Văn N số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Hồng V số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L2 số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Phùng Thị H và ông Đặng Văn T phải bồi thường cho 03 người bị hại, số tiền 2.206.000.000đ (hai tỉ hai trăm linh sáu triệu đồng), cụ thể:

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Bồi thường cho bà Vương Thị B số tiền 1.556.000.000đ (một tỉ năm trăm năm mươi sáu triệu đồng).

- Ông Nguyễn Thành L3 không phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Phùng Thị H bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

- Ông Đặng Văn T không phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Phùng Thị H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Bị cáo Phùng Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 112.250.000đ (một trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phùng Thị H và ông Đặng Văn T phải chịu án phí dân sự 72.412.000đ (bảy mươi hai triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của luật này.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hòa Bình;
- CQ cảnh sát điều tra CA tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo; Những người TGGT khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ

